



shū míng

书名

noun · book title

Example Sentences

Zhè běn shū míng hěn yǒu qù
这本书名很有趣。

This book title is very interesting.

Tā jì bù zhù nà běn xiǎo shuō de shū míng
他记不住那本小说的书名。

He can't remember the title of that novel.

Trace each character, then write the word on your own.

书	书	书	书	书	书	书								
名	名	名	名	名	名	名	名	名						